

Số: /BC-UBND

Đức Cơ, ngày tháng năm 2023

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025

Triển khai Công văn số 704/STC-QLNS ngày 10/3/2023 của Sở Tài chính về việc báo cáo thực hiện kiểm toán kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện Đức Cơ, báo cáo như sau:

1. Thông tin chung

1.1. Công tác chỉ đạo, quản lý thực hiện chương trình

- UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 15/3/2022 về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022; Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 15/3/2022 về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2022-2025. Theo đó, phấn đấu đến cuối năm 2022 giảm từ 2,5% hộ nghèo trở lên, tương đương với 477 hộ thoát nghèo. Trong đó, giảm tỷ lệ hộ nghèo trong vùng đồng bào DTTS giảm từ 5% trở lên, tương đương với 419 hộ DTTS thoát nghèo.

- Ban chỉ đạo huyện đã ban hành kế hoạch số 122/KH-BCĐ ngày 13/6/2022 về việc kiểm tra, giám sát Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022. Qua đó, đã triển khai cho các thành viên Ban chỉ đạo huyện đã triển khai kịp thời các nội dung chương trình giảm nghèo bền vững theo chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế tại địa phương. Đồng thời, phân công các thành viên Ban chỉ đạo huyện phụ trách xã, thôn, làng và công chức, đảng viên phụ trách để giúp các hộ nghèo vươn lên thoát nghèo.

1.2. Công tác huy động, quản lý và sử dụng vốn của Chương trình

Việc xây dựng và phân bổ kinh phí Chương trình hàng năm và trung hạn 5 năm giai đoạn 2021-2025: Căn cứ quyết định phân bổ kinh phí Chương trình hàng năm, UBND huyện xây dựng kế hoạch, phân bổ vốn cho các đơn vị triển khai thực hiện, kết hợp huy động đóng góp của nhân dân để hoàn thành mục tiêu chương trình.

1.3. Thực hiện chỉ tiêu giảm nghèo năm 2022.

Thực hiện Kế hoạch số 314/KH-UBND ngày 07/5/2021 của UBND tỉnh về Kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện đã triển khai cho các địa phương và ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 trên địa bàn huyện. Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022:

- Hộ nghèo: Cuối năm 2021 có 2.923 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 15,21%. Kết quả rà soát toàn huyện còn 2.420 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 12,41%, giảm 503 hộ so với cuối năm 2021 (*tỷ lệ giảm 2,8%*), đạt chỉ tiêu tỉnh và huyện giao là giảm trên 2,5%. Trong đó: Hộ nghèo DTTS cuối năm 2021 là 2.628 hộ, chiếm tỷ lệ 32,74% so với tổng số hộ DTTS; cuối năm 2022 còn 2.184 hộ, chiếm 26,32%, giảm 444 hộ với tỷ lệ giảm 6,42% (*đạt kế hoạch của tỉnh và huyện giao là trên 3%*).

- Hộ cận nghèo: Cuối năm 2021 có 2.394 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 12,46%. Kết quả rà soát toàn huyện có 2.678 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 13,73 %, tăng 284 hộ so với cuối năm 2021.

2. Kết quả thực hiện Chương trình đến thời điểm 31/12/2022:

2.1 Kết quả thực hiện nguồn vốn năm 2021 chuyển sang thực hiện năm 2022.

Thực hiện Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện đã có Quyết định số 3367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2021, với kinh phí thực hiện là 351 triệu đồng Hiện tại, 07 địa phương đã thực hiện hỗ trợ 50 hộ (hỗ trợ 10 con bò giống; 03 con dê giống; 08 con heo giống; mít giống)¹.

2.2. Kết quả thực hiện nguồn vốn thuộc chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022.

- Thực hiện Nghị quyết số 158/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện đã ban hành Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022. Theo đó, tổng kinh phí vốn sự nghiệp được phân bổ là 2.963 triệu đồng. Trong đó: NSTW: 2.964 triệu đồng; NSĐP: 269 triệu đồng. Hiện tại, huyện đã giao kinh phí cho các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

- Kết quả giải ngân cụ thể như sau:

+ Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Tổng kinh phí thực hiện là 1.106 triệu đồng. Trong đó: Ngân sách trung ương bố trí: 1.006 triệu đồng; ngân sách địa phương bố trí: 100 triệu đồng; Theo kế hoạch phân bổ, trên địa bàn huyện thực hiện 10 mô hình giảm nghèo hoặc dự án phát triển sản xuất được hỗ trợ trên địa bàn của mỗi xã/thị trấn (mỗi địa phương 01 mô hình). Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại đã có 03/10 địa phương đã xây dựng và gửi lên huyện thẩm định (xã Ia Din, Ia Krêl và thị trấn Chư Ty), với kinh phí dự kiến thực hiện 304/1.106 triệu đồng (đạt 27,5% KH). Các địa phương còn lại dự kiến chuyển nguồn sang năm 2023 để thực hiện. Cụ thể:

¹ Ia Din: Hỗ trợ 03 con bò giống cho 03 hộ, 04 con dê cho 01 hộ; Ia Dơk: Hỗ trợ 04 hộ, mỗi hộ hỗ trợ 1 cái bình phun thuốc trừ sâu, 1 cái máy cắt cỏ; Ia Kla: Hỗ trợ 08 hộ với 08 con heo giống, 02 hộ hỗ trợ máy cắt cỏ; Ia Dom: hỗ trợ 4 con bò cho 4 hộ; Ia Nan: hỗ trợ 4 con bò cho 4 hộ; Ia Pnôn: Hỗ trợ mít giôngs cho 28 hộ

* Xã Ia Din: Dự án hỗ trợ bò sinh sản, dê giống (11 bò giống; 04 con dê) cho 12 hộ gia đình nghèo với kinh phí thực hiện 157 triệu đồng.

* Xã Ia Krêl: Dự án hỗ trợ bò sinh sản (07 bò giống) cho 07 hộ gia đình nghèo với kinh phí thực hiện 118 triệu đồng.

* Thị trấn Chư ty: Dự án hỗ trợ dê giống sinh sản (09 con dê) cho 03 hộ gia đình nghèo với kinh phí thực hiện 28,484 triệu đồng.

+ Tiểu dự án 1-Dự án 3 (hỗ trợ PTSX trong lĩnh vực nông nghiệp): Kinh phí thực hiện 479 triệu đồng; hiện Phòng Nông nghiệp-PTNT đã xây dựng kế hoạch, dự kiến quý I/2023 giải ngân.

+ Dự án 4 (Phát triển GDNV, việc làm bền vững): Kinh phí thực hiện 901 triệu đồng. Dự kiến hết tháng 12/2022 thực hiện xong tiểu dự án 1 với kinh phí 696 triệu đồng; tiểu dự án 2 dự kiến năm 2023 triển khai thực hiện.

+ Dự án 6 (truyền thông và giảm nghèo về thông tin): Kinh phí thực hiện 220 triệu đồng; Dự án 7 (Nâng cao năng lực, giám sát đánh giá chương trình): Kinh phí thực hiện 257 triệu đồng dự kiến chuyển sang năm 2023 Phòng Lao động-TB&XH triển khai thực hiện.

3. Kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo.

3.1. Về tín dụng ưu đãi cho hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo:

Doanh số cho vay đạt 118.660 triệu đồng, với 2.915 lượt khách hàng vay vốn; so với cùng kỳ năm trước tăng 18.059 triệu đồng, tỷ lệ tăng 18%. Trong đó, cho vay hộ nghèo 26.471 triệu đồng, cho vay hộ cận nghèo 30.801 triệu đồng, cho vay hộ mới thoát nghèo 7.425 triệu đồng, cho vay hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn 18.742 triệu đồng, cho vay giải quyết việc làm 18.715 triệu đồng, cho vay nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn 14.436 triệu đồng... Trong công tác cho người nghèo vay vốn, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách - Xã hội đã chú trọng đến hiệu quả vốn vay, thực hiện tốt công tác phối hợp giữa các ban, ngành, đoàn thể thông qua ủy thác. Những hộ nghèo đã sử dụng vốn vay có hiệu quả và có ý thức trong việc hoàn trả lại vốn vay, nhiều hộ đã vươn lên thoát nghèo.

3.2. Về Y tế: Tỷ lệ người tham gia BHYT/Dân số là 71.281/79.927 đạt tỷ lệ 89.2% (KH giao là 90%); Đã cấp 39.728 thẻ BHYT. Trong đó 1.453 người nghèo; 2.499 người cận nghèo; 27.932 người DTTS vùng II, III; 4.089 người Kinh vùng đặc biệt khó khăn; 3.755 người có MSTB. Đến tháng 10 năm 2022 đã có 12.456 lượt người khám chữa bệnh với kinh phí thanh toán 2,05 tỷ đồng.

3.3. Về chính sách hỗ trợ Giáo dục-Đào tạo: Tiếp nhận 36,030 tấn gạo cấp cho các trường PTDTBT và trường TH, THCS có học sinh thuộc diện bán trú cấp phát cho học sinh học kỳ II năm học 2021-2022 đúng, đủ theo quy định; thực hiện các chính sách cho học sinh bán trú; trẻ mẫu giáo ăn trưa; miễn, giảm học phí, năm học 2022-2023.

3.4. Trợ giúp pháp lý: Tích cực tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức, người lao động các luật mới ban hành có liên

quan đến đời sống của nhân dân và những vấn đề mà dư luận đang quan tâm; Cấp phát miễn phí 3.000 tài liệu các loại (bản tin, sách, tờ gấp, đĩa CD, DVD bằng 02 thứ tiếng Kinh và Jrai...

3.5. Về trợ giúp cho các đối tượng xã hội tại cộng đồng và trợ cấp khác:

Trợ cấp thường xuyên hàng tháng cho trên 2.009 đối tượng hưởng BTXH với số tiền 12,2 tỷ đồng; - Hỗ trợ BHYT cho đối tượng Bảo trợ xã hội là: 585.614.500 đồng. Chi tiền hỗ trợ Tết Nguyên đán 2022 cho 1.751 đối tượng BTXH với số tiền 350.200.000 đồng, 1.887 đối tượng hưởng hưu trí BHXH với số tiền 283.050.000 đồng. Quà lãnh đạo huyện đi thăm tặng quà tại làng trẻ SOS và Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh cho trẻ em mồ côi và người già neo đơn 40 đối tượng với số tiền 12 triệu đồng.

3.6. Về cấp gạo cứu đói: Tiếp nhận và cấp phát cấp phát gạo thiếu đói trong dịp Tết Nguyên đán năm 2022 với 41.205 kg gạo cho 686 hộ/2.747 khẩu và đói giáp hạt năm 2022 với 35.340 kg gạo cho 553 hộ/2.356 khẩu.

3.7. Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo: Đã triển khai rà soát cho các địa phương lập danh sách hộ nghèo, hộ BTXH không nghèo để cấp tiền điện năm 2022 cho 2.960 hộ nghèo và hộ CSXH không nghèo, với kinh phí thực hiện 1.953.600 đồng.

3.8. Chính sách hỗ trợ về dạy nghề, việc làm:

- UBND huyện triển khai các đơn vị xã, thị trấn rà soát, nắm chắc số liệu đối với số lao động trở về địa bàn do ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19; Số liệu lao động đã quay trở lại làm việc tại các tỉnh, thành, lao động trở về địa phương đã được giải quyết việc làm, lao động có nhu cầu việc làm ...

- Từ kết quả khảo sát nhu cầu học nghề của lao động nông thôn trong huyện, từ đầu năm đến nay Trung tâm GDNN-GDTX đã tổ chức 17 lớp đào tạo nghề, chuyển giao kỹ thuật sản xuất cho 426 lao động nông thôn trên địa bàn, nhằm giúp người lao động có thêm kiến thức để áp dụng vào thực tế, nâng cao năng suất nông nghiệp.

- Tuyên truyền, thông báo các Công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động đến cơ sở để người lao động trên địa bàn huyện được nắm bắt đầy đủ thông tin, có thêm nhiều cơ hội lựa chọn việc làm. Phối hợp các Công ty, doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng lao động để triển khai các kế hoạch tuyển dụng lao động, xuất khẩu lao động trên địa bàn huyện đảm bảo đúng quy định.

- Phối hợp Trung tâm Dịch vụ việc làm tổ chức tốt 03 phiên giao dịch việc làm tại huyện (trong đó phối hợp tổ chức 02 đợt Tư vấn giới thiệu việc làm lồng ghép với phiên chợ nông sản năm 2022 tại huyện). Các Phiên GDVL đã có sự quan tâm của lãnh đạo UBND huyện, UBND các xã, thị trấn và các đoàn thể trong công tác phối hợp tổ chức. Sự tham gia đông đủ các ban ngành, đoàn thể các cấp và đông đảo người lao động đã giúp cho các Phiên giao dịch việc làm diễn ra thuận lợi ².

² Từ đầu năm đến nay, trên địa bàn huyện có 77 người lao động tuyển chọn đi làm việc ở nước ngoài, không có lao động được đưa đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động; 19 lao động đi làm việc tại công

3.9. Về hỗ trợ nhà ở: Đã triển khai xây dựng, tặng 12 căn nhà với kinh phí hỗ trợ 790 triệu đồng; sửa chữa 02 căn nhà cho người nghèo, trị giá 31 triệu đồng³.

4. Báo cáo tình hình kinh phí chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Phụ lục chi tiết kèm theo *(thời điểm báo cáo từ năm 2021 đến 31/12/2022)*

4. Những tồn tại, hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai thực hiện các dự án, tiểu dự án

- Về vốn phân bổ: Các nguồn vốn của cá dự án của chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 muộn nên việc triển khai rất khó khăn nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện

- Về văn bản, hướng dẫn của cấp tỉnh chậm, cụ thể của cơ quan ban ngành cấp trên nên việc, tổ chức triển khai cấp cơ sở còn lúng túng. Cụ thể: ngày 09/12/2022, HĐND tỉnh Gia Lai mới có nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND về quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong việc thực hiện hoạt động hỗ trợ PTSX thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 41/2022/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND tỉnh về ban hành Quy định về phân công, phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 15/12/2022 của UBND tỉnh ban hành quy định về cơ chế quay vòng vốn hỗ trợ để luân chuyển trong cộng đồng thực hiện hoạt động hỗ trợ PTSX cộng đồng thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Về định mức hỗ trợ: Hiện tại chưa có văn bản quy định về định mức hỗ trợ phát triển sản xuất tối đa cho mỗi hộ nghèo được thụ hưởng. Vì vậy, nên mỗi địa phương rất lúng túng khi áp dụng.

5. Kiến nghị đề xuất của đơn vị/ địa phương (cơ chế chính sách...)

- Đề xuất bố trí vốn: Đề nghị bố trí vốn cho chương trình giảm nghèo ngay từ đầu năm để các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả, kịp thời.

- Về định mức hỗ trợ: Đề nghị UBND tỉnh sớm ban hành quy định mức hỗ trợ tối đa cho mỗi hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Vì theo Nghị quyết số 94/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của HĐND tỉnh Gia Lai chỉ áp dụng trong giai đoạn 2016-2020, theo đó định mức hỗ trợ tối đa mỗi hộ nghèo là 20 triệu đồng/hộ, cận nghèo 18 triệu đồng/hộ, hộ mới thoát nghèo 16 triệu

ty Thaco; Lao động quay trở lại làm việc tại các tỉnh phía Nam: 726,...

³ MTTQ huyện: Triển khai xây dựng, tặng 05 căn nhà trị giá 370 triệu đồng (Nhà Đại Đoàn kết: 3 căn; Nhà Tình thương: 2 căn) tại xã Ia Kla (02 căn), Ia Kriêng (01 căn), Ia Krêl (01 căn), Ia Lang (01 căn); Triển khai sửa chữa 02 căn nhà trị giá 31 triệu đồng tại xã Ia Kla và Ia Din; Vận động nhân dân đóng góp hỗ trợ hơn 70 ngày công để triển khai xây dựng, sửa chữa nhà ở cho hộ nghèo; Hội chữ thập đỏ huyện đa triển khai 07 căn nhà cho hộ nghèo (Trong đó: Hội Chữ thập đỏ thành phố Hồ Chí Minh tài trợ 04 căn nhà; Ngân hàng TMCP Đầu tư và PTVN – CN Nam Gia Lai khảo sát hỗ trợ 01 ngôi nhà; ngân hàng TMCP Đầu tư và PTVN – CN Nam Gia Lai hỗ trợ 03 ngôi nhà.

đồng/hộ. Trong giai đoạn 2021-2025 chưa có quy định về định mức hỗ trợ thay thế nên các xã còn khá lúng túng trong việc triển khai thực hiện.

Trên đây là báo cáo của UBND huyện Đức Cơ, đề nghị Sở Tài chính xem xét, tổng hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Ban chỉ đạo các CT MTQG huyện;
- Lưu: VT-VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vũ Mạnh Định

BÁO CÁO QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 (TỪ NĂM 2021-2022)

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND huyện Đức Cơ)

Đơn vị tính: đồng

TT	Đơn vị	Tổng cộng				Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư			
		Cộng	NSTW	NSDP	Khác	Cộng	NSTW	NSDP	Khác	Cộng	NSTW	NSDP	Khác
A	B	1	1.1	1.2	1.3	2	2.1	2.2	2.3	3	3.1	3.2	3.3
1	Kinh phí giai đoạn trước chuyển sang												
2	Dự toán được giao giai đoạn 2021-2022	3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000		3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000					
3	Kinh phí được sử dụng giai đoạn 2021-2022	3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000		3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000					
4	Kinh phí thực nhận giai đoạn 2021-2022	1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000		1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000					
5	Kinh phí đã chi đề nghị quyết toán giai đoạn 2021-2022	1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000		1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000					
6	Kinh phí giảm (nộp trả) giai đoạn 2021-2022	0	0	0		0							
7	Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm 2023	1.589.665.000	1.382.489.000	207.176.000		1.589.665.000	1.382.489.000	207.176.000					
	Chi tiết cụ thể như sau:	0	0	0									
I	NĂM 2021	0	0	0									
1	Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2021	0	0	0		0							
2	Dự toán được giao năm 2021	351.000.000	0	351.000.000		351.000.000		351.000.000					
3	Kinh phí được sử dụng năm 2021	351.000.000	0	351.000.000		351.000.000		351.000.000					
4	Kinh phí thực nhận năm 2021	351.000.000	0	351.000.000		351.000.000		351.000.000					
5	Kinh phí đã chi đề nghị quyết toán năm 2021	0	0	0		0		0					

TT	Đơn vị	Tổng cộng				Vốn sự nghiệp				Vốn đầu tư			
		Cộng	NSTW	NSDP	Khác	Cộng	NSTW	NSDP	Khác	Cộng	NSTW	NSDP	Khác
A	B	1	1.1	1.2	1.3	2	2.1	2.2	2.3	3	3.1	3.2	3.3
6	Kinh phí giảm (nộp trả) năm 2021	0	0	0		0		0					
7	Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm 2022	351.000.000	0	351.000.000		351.000.000		351.000.000					
II	NĂM 2022	0	0	0									
1	Kinh phí năm trước chuyển sang năm 2022	351.000.000	0	351.000.000		351.000.000		351.000.000					
2	Dự toán được giao năm 2022	2.963.000.000	2.694.000.000	269.000.000		2.963.000.000	2.694.000.000	269.000.000					
3	Kinh phí được sử dụng năm 2022	3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000		3.314.000.000	2.694.000.000	620.000.000					
4	Kinh phí thực nhận năm 2022	1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000		1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000					
5	Kinh phí đã chi đề nghị quyết toán năm 2022	1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000		1.724.335.000	1.311.511.000	412.824.000					
6	Kinh phí giảm (nộp trả) năm 2022	0	0	0		0							
7	Kinh phí chưa sử dụng chuyển sang năm 2023	1.589.665.000	1.382.489.000	207.176.000		1.589.665.000	1.382.489.000	207.176.000					

Ghi chú:

- Dòng 1: Kinh phí giai đoạn trước giai đoạn trước chuyển sang: bằng 0
- Dòng 2: Dự toán được giao giai đoạn 2021-2022: Số liệu theo Quyết định giao vốn, điều chỉnh và bổ sung của cấp có thẩm quyền bao gồm nguồn NSTW và NSDP
- Dòng 3: Tổng số được sử dụng giai đoạn 2021-2022: Kinh phí chuyển sang + dự toán được giao
- Dòng 4: Kinh phí thực nhận giai đoạn 2021-2022: Số liệu ghi nhận theo kinh phí thực rút từ Kho bạc Nhà nước
- Dòng 5: Kinh phí đề nghị quyết toán giai đoạn 2021-2022: Số liệu đã đủ thủ tục thanh toán qua Kho bạc Nhà nước, phân nguồn theo các cột tương ứng
- Dòng 6: Kinh phí giảm trong giai đoạn 2021-2022: Số liệu nhập bao gồm dự toán bị hủy, số đã nộp NSNN và số còn phải nộp NSNN
- Dòng 7: Số dư kinh phí được chuyển sang năm sau: Là số dư dự toán được phép chuyển nguồn theo QĐ của cấp có thẩm quyền, nguyên tắc = dòng 3 - dòng 5 - dòng 6

**THỐNG KÊ QUYẾT ĐỊNH PHÂN BỐ KINH PHÍ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2021 - 2022**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /3/2023 của UBND huyện Đức Cơ)

Đvt: triệu đồng

STT	Số Quyết định giao vốn	Số tiền				Ghi chú
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS huyện	Nguồn khác	
I	Quyết định giao vốn của UBND tỉnh					
1	Quyết định số 942/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Phân bổ vốn Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - Việc làm và An toàn lao động năm 2021 (vốn sự nghiệp);		351,0			
2	Quyết định số 616/QĐ-UBND ngày 06/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022	2.694,0	15,0	254,0		
II	Quyết định giao vốn của UBND huyện					

STT	Số Quyết định giao vốn	Số tiền				Ghi chú
		NSTW	NS cấp tỉnh	NS huyện	Nguồn khác	
1	Quyết định 3367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022		351,0			
2	Quyết định số 2494/QĐ-UBND ngày 25/10/2022 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phân bổ vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022	2.694,0	15,0	254,0		